TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:177/2023/DS-ST

Ngày: 12/9/2023

"V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Vũ Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Ngọc Liêm.

2. Bà Đào Thị Thu Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 154/2023/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2023 về "tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 418/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 550/2023/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Mỹ H, sinh năm 1955; địa chỉ: khóm T, thị trấn H, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Minh C, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Bà Trần Thị Lệ T, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H1 trình bày, do chỗ quen biết với vợ chồng ông C, bà T cho nên vào ngày 15/3/2022, ông Trần Minh C và bà

Trần Thị Lệ T có vay của bà số tiền 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng, mục đích để đáo hạn ngân hàng, lãi suất thỏa thuận 4%/tháng, thỏa thuận 10 ngày sẽ trả lại. Bà T và ông C trực tiếp nhận tiền, việc vay có lập biên nhận nợ ngày 15/3/2022 do bà Trần Thị Lệ T ghi nội dung, ông C và bà T cùng ký tên, ghi họ và tên. Khi vay, bà T và ông cảnh không thế chấp giấy tờ gì cho bà. Trong quá trình vay, bà T và ông C có đóng lãi cho bà được hai lần với tiền 5.000.000 đồng, nhưng đến nay vẫn chưa trả vốn.

Đến hạn, bà có đến nhà ông C, bà T để yêu cầu trả số tiền đã vay và tiền lãi theo thỏa thuận nhưng ông C và bà T hứa hẹn nhiều lần mà vẫn không thực hiện.

Nay bà Phạm Thị Mỹ H khởi kiện yêu cầu ông Trần Minh C, bà Trần Thị Lệ T có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 15/3/2022 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm. Tại phiên Tòa bà trình bày là bà đã nhận số tiền 5.000.000 đồng thì xem như bà không yêu cầu tính lãi.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là bản sao biên nhận nợ ngày 15/3/2022, giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình (bản sao).

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đã cung cấp tài liệu chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; không còn tài liệu, chứng cứ nào khác.

- Bị đơn bà Trần Thị Lệ T, ông Trần Minh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình công khai chứng cứ hòa giải vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến giải quyết vụ án:

Ngày 15/3/2022, bà Trần Thị Lệ T, ông Trần Minh C có vay của bà Phạm Thị Mỹ H 90.000.000 đồng, thời hạn 10 ngày, lãi suất 4%/tháng, mục đích vay để đáo nợ Ngân hàng. Nhưng đến hạn, ông C, bà T không trả vốn như thỏa thuận, có trả lãi 5.000.000 đồng. Nay, bà H yêu cầu ông C, bà thu trả 90.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định kể từ ngày 15/3/2022 đến khi có quyết định

xét xử sơ thẩm, đồng ý khấu trừ số tiền lãi đã nhận 5.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà H rút lại yêu cầu tính lãi suất.

Phía ông C, bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến.

Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa bà H với ông C, bà T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và được thể hiện trên biên nhận nợ ngày 15/3/2022, theo biên nhận ông C, bà T đã nhận đủ số tiền 90.000.000 đồng từ bà H. Do ông C, bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán khi nợ đến hạn, nên bà H khởi kiện là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự.

Đối với yêu cầu tính lãi suất, do bà H rút lại yêu cầu nên căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự:

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi suất.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Mỹ H.

- Buộc ông Trần Minh C, bà Trần Thị Lệ T trả bà Phạm Thị Mỹ H số tiền 90.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Phạm Thị Mỹ H khởi kiện yêu cầu ông Trần Minh C và bà Trần Thị Lệ T có nghĩa vụ trả số tiền vay 90.000.000 đồng. Bà T, ông C cư trú ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang nên yêu cầu kiện của bà H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Trần Minh C và bà Trần Thị Lệ T được tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C, bà T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[2] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:

Qua lời trình bày của bà H tại các biên bản hòa giải và các tài liệu chứng cứ cung cấp, qua quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định giữa bà H với bà T, ông C có thỏa thuận với nhau việc vay tiền. Vào ngày 15/3/2022 bà T, ông C có đến nhà bà H để vay số tiền 90.000.000 đồng, bà T làm biên nhận nợ với bà H, mục đích vay để đáo nợ Ngân Hàng, hai bên thỏa thuận lãi suất 4%/tháng, sau đó bà T có đóng lãi được 5000.000 đồng cho đến nay và cũng không trả vốn, bà H có nhắc nhở bà T, ông C nhiều lần nhưng ông, bà vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả cho bà. Xét thấy việc vay mượn giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, và phù hợp

với Điều 463 Bộ luật dân sự, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bà T, ông C không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ khi bà H có yêu cầu thu hồi vốn làm thiệt thòi quyền lợi của bà H. Trong quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa bà T, ông C vắng mặt và cũng không gửi ý kiến trình bày để Hội đồng xét xử xem xét, bà H xuất trình chứng cứ là biên nhận nợ ngày 15/3/2022 giữa bà H với bà T, ông C.

Như vậy, lời khai và lời trình bày của bà H phù hợp với tài liệu, chứng cứ mà bà đã cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nghĩa vụ trả nợ của bị đơn

Bà H yêu cầu bà T, ông C có nghĩa vụ trả tiền vốn vay 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 15/3/2022 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Xem xét yêu cầu nghĩa vụ trả nợ của bà T, ông C Hội đồng xét xử nhận thấy, giữa bà T, ông C là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, bà T, ông C với bà H cùng xác lập hợp đồng vay tài sản với nhau, nhưng bà T, ông C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà H, do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên buộc bà T, ông C có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền vay 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật theo các tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về lãi suất: Tại phiên tòa bà H trình bày là bà đã nhận tiền lãi 5.000.000 đồng thì xem như bà không yêu cầu tính lãi, cho bà xin rút lại yêu cầu tính lãi suất. Do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên cần đình chỉ đối với yêu cầu này là phù hợp với Điều 217 Bô luật tố tụng dân sự.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Trần Minh C và bà Trần Thị Lệ T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 217, 218, 227, 228, 235, 244, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Mỹ H.

Buộc ông Trần Minh C và bà Trần Thị Lệ T có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Mỹ H số tiền vốn vay 90.000.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng).

Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của bà Phạm Thị Mỹ H đối với ông Trần Minh C và bà Trần Thị Lệ T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Minh C và bà Trần Thị Lệ T phải chịu 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị Mỹ H có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí do bà là người cao tuổi nên bà được miễn nộp tạm ứng án phí. Do đó bà Phạm Thị Mỹ H không được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

3. Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Vũ Sơn

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Vũ Sơn